

Bản tin chứng khoán

Trong số này

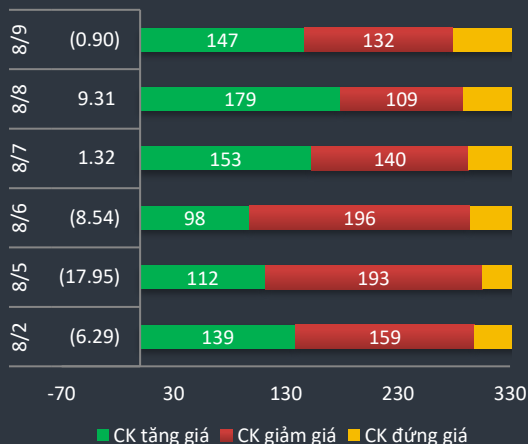
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.3**

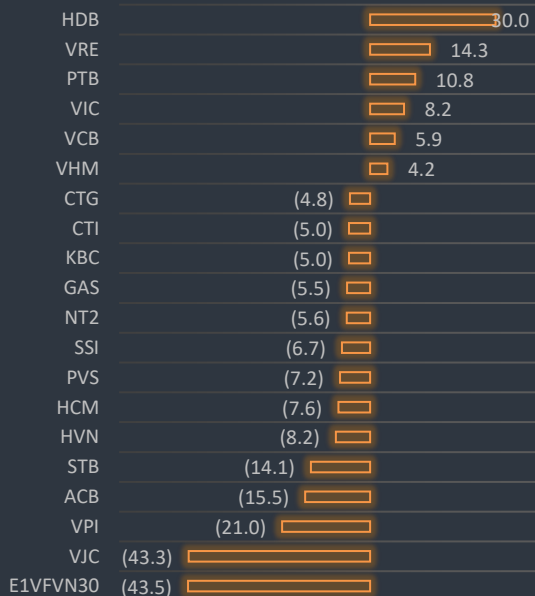
Tin Doanh nghiệp **P.4**

Bộ lọc CP **P.5**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Thị trường phiên cuối tuần thanh khoản có phần chậm lại nhưng vẫn đạt 131 triệu cổ phiếu tương ứng 2,900 tỷ trên sàn HOSE. Chỉ số index đóng cửa bằng với phiên hôm trước do áp lực bán ra của một số blue chip vào cuối phiên.

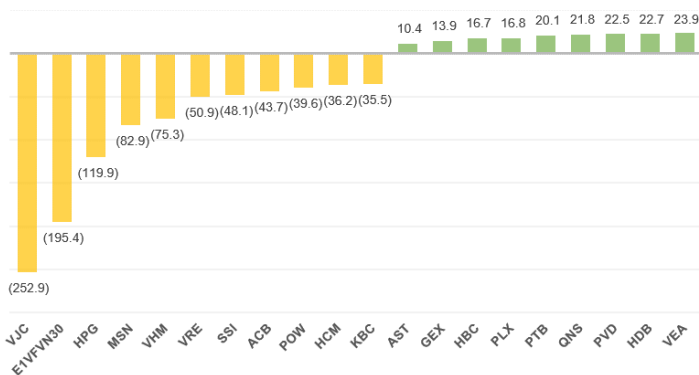
Nhóm cổ phiếu kho bãi, hậu cần hạ nhiệt đáng kể, chỉ còn một số cổ phiếu giữ nhịp tăng tốt VSC, PHP, DVP. GMD điều chỉnh nhẹ sau khi tăng gần sát trần ngày hôm trước.

Cổ phiếu bán lẻ, thương mại MWG tiếp tục phá đỉnh lên gần 116, FPT xanh nhẹ cũng đạt đỉnh cao nhất 51.1 trong khi PNJ giảm nhẹ.

Nhóm bất động sản khu công nghiệp chỉ còn SNZ, SZC, NTC, PHR xanh điểm trở lại, các cổ phiếu D2D, ITA, TIP giảm nhẹ. Giao dịch chung của nhóm này dù hạ nhiệt nhưng vẫn còn khá cao. Điểm rơi lợi nhuận của nhóm cổ phiếu bất động sản thường là quý 3,4 trong năm vì vậy đợt sóng của nhóm CP này sẽ còn tiếp tục trong thời gian tới.

Khối ngoại trong ngày bán ròng phiên cuối tuần trong đó nổi bật là chứng chỉ quỹ E1VFN30 hơn 43.5 tỷ. do việc lo ngại chiến tranh thương mại kéo dài, các quỹ ETF ngoại bán ròng gần 300 tỷ trong tuần qua. Nhiều quỹ đầu tư ngoại cũng bán ra khá nhiều. Các nhóm cổ phiếu VJC, HPG, MSN, VNM, VRE, SSI, ACB, POW là những cổ phiếu bị khối ngoại bán ròng nhiều nhất trong tuần.

Giao dịch mua bán ròng của khối ngoại



Vnindex 974.34
▼ -0.9 (-0.09%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
HDB	26.3	1,300	5.20
SSI	22.0	800	3.77
MWG	115.9	2,900	2.57
NVL	60.0	1,100	1.87
MSN	76.1	1,300	1.74
VPB	19.0	300	1.60
FPT	51.1	800	1.59
DHG	97.0	1,400	1.46
KDH	23.6	200	0.85
POW	13.5	100	0.75
EIB	17.7	100	0.57
VJC	131.7	600	0.46
GAS	101.3	300	0.30
CTG	20.5	50	0.24
TPB	22.6	50	0.22
VNM	121.0	100	0.08
VRE	35.5	-	-
TCB	20.2	-	-
PLX	62.2	-	-
VCB	78.5	-	-
BID	34.7	-	-
ROS	27.1	(100)	(0.37)
HNG	18.3	(100)	(0.54)
VHM	84.0	(500)	(0.59)
MBB	21.5	(150)	(0.69)
PNJ	84.2	(600)	(0.71)
BHN	93.4	(800)	(0.85)
HPG	23.1	(200)	(0.86)
STB	10.4	(100)	(0.96)
VIC	120.2	(1,800)	(1.48)
HVN	39.4	(600)	(1.50)
SAB	275.7	(4,300)	(1.54)
BVH	78.0	(1,900)	(2.38)



Chỉ số Vnindex đang hồi phục từ vùng đáy và đang dao động ngang tích lũy. Có thể chỉ số index còn dao động mạnh trước các đợt biến động của thị trường thế giới vì vậy chiến lược giao dịch ngắn và chốt lãi theo từng đợt sóng sẽ mang lại lợi nhuận cao hơn cho nhà đầu tư. Một số cổ phiếu chất lượng thuộc các nhóm ngành bán lẻ, BĐS, ngân hàng và vài CP lớn thuộc VN30 vẫn nên ưu tiên nắm giữ.

Cổ phiếu quan tâm:

Ticker	Close	% so với tuần trước	Xu hướng	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng mua
BID	34.7	-3.1%	Đi ngang	33	37	33-34
VCB	78.5	-0.8%	Tăng	75	90	75-76
MWG	115.9	7.3%	Tăng	100	120	105-108
PHR	75.3	1.8%	Tăng	68	90	72-74
TIP	38.3	-3.5%	Tăng	35	50	35-37
D2D	88.0	0.6%	Tăng	80	110	80-83
ACB	21.9	-1.8%	Giảm	20	28	20-21
FPT	51.1	4.7%	Tăng	45	60	48-50
MBB	21.5	-2.3%	Đi ngang	20	25	20-21
CTG	20.5	0.5%	Giảm	20	25	20-21
SZC	25.3	1.6%	Tăng	24	28	24-25
VRE	35.5	-2.2%	Tăng	32	38	32-34
PLX	62.2	-4.3%	Tăng	60	70	60-61



Tổng hợp kết quả kinh doanh Quý 2.2019

		LN6T 2019E	EPS 4 quý	EPS 2018F	Nhận xét
	Giá	+/-	PE	PE 2018F	
PVD	18.20	24.0 -107.8%	1,364 13.3	261 69.7	Doanh thu 6 tháng đạt 1,941 tỷ đồng, bằng 50,4% kế hoạch năm 2019. Lợi nhuận sau thuế khoảng 24 tỷ đồng. Quý I, PV Drilling lỗ hơn 87 tỷ đồng, vì vậy công ty đã lãi hơn 111 tỷ đồng trong quý II, so với con số 67 tỷ năm ngoái. Hiện nay toàn bộ 4 giàn tự nâng của Tổng công ty đang thực hiện các chiến dịch khoan tại Malaysia đến cuối năm 2020. PV Drilling đã ký hợp đồng thuê thêm giàn HAKURYU 11 - JDC cung cấp cho chiến dịch khoan của Idemitsu tại mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt trong giai đoạn từ tháng 10/2019.
HPG	22.4	3,860.0 -12.4%	2,907 7.7	2,246 10.0	HPG vừa công bố quý 2 đạt doanh thu 15,300 tỷ, lợi nhuận sau thuế 2,050 tỷ, cao hơn quý 1 hơn 200 tỷ và thấp hơn cùng kỳ năm trước 150 tỷ (giảm 7%). 6 tháng, doanh thu của tập đoàn đạt 30.400 tỷ, lợi nhuận sau thuế đạt 3.860 tỷ. Tháng 3 sang năm HPG sẽ ra thép cán nóng. Giá quặng sắt đang tăng mạnh vượt 120 USD/tấn, gần gấp đôi cùng kỳ năm trước, Ngành thép của thế giới và Việt Nam rất khó khăn.
GAS	108.00	6,037.0 6.3%	6,510 16.6	6,792 15.9	GAS báo cáo kết quả kinh doanh Q2 với doanh thu thuần 20,353 tỷ đồng, gần bằng với cùng kỳ, chi phí tài chính với lãi vay giảm ½ còn 54.7 tỷ đồng. Các khoản chi phí bán hàng giảm 13% so với cùng kỳ nhưng khoản chi phí khác tăng mạnh làm LNST Q2 giảm nhẹ so cùng kỳ. Tổng kết 6 tháng doanh thu GAS đạt gần 39 ngàn tỷ, tăng 2.1% và LNST đạt 5,678 tỷ, tăng 6.3% so với 6T 2018. GAS cho biết LN Q2 sụt giảm so giá dầu giảm 7% so với cùng kỳ năm trước.
NT2	25.6	386.6 -23.2%	2,310 11.1	2,581 9.9	6 tháng đầu năm, DT của NT2 đạt 4,015 tỉ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ. LNST 386.6 tỉ đồng, giảm 23%. Năm 2019 Nhơn Trạch 2 đặt mục tiêu tổng doanh thu đạt 7,482 tỉ đồng và lợi nhuận trước thuế ước đạt 782 tỉ đồng, giảm 5% so với thực hiện 2018. Nguyên nhân lợi nhuận gộp 6 tháng giảm là tỉ lệ doanh thu sản xuất điện thấp hơn tỉ lệ tăng giá vốn sản xuất điện (chủ yếu là chi phí nhiên liệu khí).
CTD	113.00	312.6 -56.5%	14,465 7.8	13,616 8.3	Quý 2/2019 doanh thu thuần đạt 5,788 tỷ đồng giảm 30% so với cùng kỳ, giá vốn hàng bán chiếm gần 97% nên CTD chỉ còn gần 184 tỷ đồng, lợi nhuận gộp giảm 67%. LNST Q2 chỉ đạt 123.8 tỷ trong đó 1/2 là 72 tỷ đến từ tiền lãi ngân hàng. Tính chung 6 tháng đầu năm, CTD đạt doanh thu 10,038 giảm -20.4% và LNST 312 tỷ, giảm -56.5% so cùng kỳ. Kế hoạch năm 2019 lợi nhuận 1,300 tỷ.
D2D	80.5	83.4 106.8%	6,449 12.5	5,631 14.3	6 tháng 2019, D2D đạt DT giảm 5% còn 122 tỷ đồng. Tuy nhiên, biên lợi nhuận hiệu quả hơn giúp D2D đạt mức lãi 83 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ năm 2018. Với kết quả 6 tháng, công ty thực hiện hơn 93% kế hoạch lợi nhuận năm. D2D có tổng tài sản hơn 2,200 tỷ đồng; riêng khoản mục tiền và tiền gửi ngân hàng chiếm đến 1,467 tỷ đồng. Về nguồn vốn, đang ghi nhận 954 tỷ đồng người mua trả tiền trước ngắn hạn (chủ yếu là trả trước cho KDC Lộc An) và 657 tỷ doanh thu dài hạn chưa thực hiện.
PTB	69.40	193.0 16.5%	8,704 8.0	9,683 7.2	PTB đạt DT hợp nhất 2,605 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ, lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt là 235 tỷ đồng và 193 tỷ đồng, tăng 16% và 13%. Doanh thu và LNST lũy kế 6 tháng đầu năm lần lượt đạt 44% và 42% kế hoạch năm. Về kế hoạch hoạt động trong quý III, công ty đặt chỉ tiêu doanh thu hợp nhất là 1.468 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là 142 tỷ đồng.
TCM	26.5	117.0 0.7%	4,489 5.9	4,178 6.3	TCM công bố hoạt động 6 tháng đầu năm, doanh thu Tập đoàn ghi nhận khoảng 74.4 triệu USD, tương đương 1,711 tỷ đồng và tăng 7% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế 5.1 triệu USD, tương đương 117 tỷ đồng và tăng 11%. So với kế hoạch doanh thu 3.952 tỷ và lợi nhuận sau thuế 242 tỷ đồng năm nay, nửa chặng đường vừa qua TCM đã thực hiện được 48% chỉ năm.

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

SCR	4.55
PC1	4.69
TTF	4.70
DRC	4.87
HDB	5.20
VPG	5.94
DVP	6.24
VOS	6.63
BFC	6.71
HAR	6.73
PME	6.85
YEG	6.94
YEG	6.94
DXG	6.95

Top tăng giá HNX

MEC	5.88
SVN	6.25
VE9	7.14
PGT	8.11
PVX	8.33
TTH	8.57
HUT	9.09
DIH	9.66
SDG	9.89
HNH	10.00
ASA	12.50
KHB	20.00

FIR - CTCP Địa ốc First Real - Đã thông qua việc góp vốn 199 tỷ đồng thành lập CTCP Đầu tư bất động sản Primo, chiếm 99,5%/vốn của công ty mới.

PVT - Tổng CTCP Vận tải Dầu khí - Ngày 13/8 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2018, ngày đăng ký cuối cùng là 14/8. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%. Thời gian chia cổ tức dự kiến trong quý III/2019.

SVC - CTCP Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn - Ngày 14/8 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2018, ngày đăng ký cuối cùng là 15/8. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 28/8/2019.

VCR - CTCP Đầu tư và phát triển du lịch Vinaconex - Thông báo đã hoàn tất phát hành 300 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi cho công ty mẹ - Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VCG). Trái phiếu kỳ hạn 24 tháng. Tỷ lệ chuyển đổi 1:10 (mỗi trái phiếu được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu phổ thông) với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

DIG - Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Ngày 14/8 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2018, ngày đăng ký cuối cùng là 15/8. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 5%, tương đương DIG sẽ phát hành thêm gần 15 triệu cổ phiếu mới.

PDR - CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt - Thông báo đã hoàn tất phát hành 3 đợt trái phiếu với tổng giá trị 845 tỷ đồng nằm trong 6 đợt phát hành.

IBC - CTCP Apax Holdings - Ngày 6/8, HĐQT đã có nghị quyết phê duyệt ký hợp đồng mua quyền sử dụng lô đất hơn 7.427 m2 tại số 324 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội từ CTCP Terra Gold Việt Nam, đồng thời, góp vốn 51% thành lập Công ty con để vận hành trường liên cấp quốc tế Firbank Australia International School trên khu đất trên.

SZC - CTCP Sonadezi Châu Đức - Ngày 16/8 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2018, ngày đăng ký cuối cùng là 19/8. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 8%, thanh toán bắt đầu từ ngày 16/9/2019.

HDC - CTCP Phát triển nhà Bà Rịa – Vũng Tàu - Thông báo, ngày 7/8 đã được cấp giấy phép xây dựng từ Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho Dự án Khu nhà ở Hải Đăng – The Light City (giai đoạn 1).

Kết quả giao dịch CW trong ngày

Mã CK	Cty PH	Thời hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá CS thực hiện	Giá CS hòa vốn (A)	Giá CW PH (B)	Giá CP cơ sở (C)	Giá CW Đóng cửa (D)	% trong ngày	KLGD	CW đã tăng (D)/(B)	Giá CS so với hòa vốn (C)/(A)	Ngày đáo hạn
CFPT1901	VND	3	2:01	45	48.8	1,900	51.1	3,300	4.1%	194,44	74%	4.7%	11-09
CFPT1902	SSI	3	1:01	46	49.8	3,800	51.1	5,850	6.4%	218,62	54%	2.6%	30-09
CFPT1903	SSI	6	1:01	46	52	6,000	51.1	8,060	4.7%	73,98	34%	-1.7%	30-12
CHPG1901	MBS	3	2:01	22.9	25.3	1,200	23.1	880	0%	14,58	-27%	-8.7%	10-09
CHPG1902	KIS	6	5:01	41.999	46.999	1,000	23.1	530	-3.6%	203,63	-47%	-50.9%	11-12
CHPG1903	VPS	3	2:01	23.2	26.2	1,500	23.1	810	1.3%	37,82	-46%	-11.8%	12-09
CHPG1904	SSI	3	1:01	23.1	25.3	2,200	23.1	1,710	0%	21,85	-22%	-8.7%	30-09
CHPG1905	SSI	6	1:01	23.1	26.4	3,300	23.1	3,200	2.9%	36,52	-3%	-12.5%	30-12
CMBB1901	SSI	3	1:01	20.6	22.5	1,900	21.5	2,290	5.5%	179,78	21%	-4.4%	16-09
CMBB1902	HSC	6	1:01	21.8	25	3,200	21.5	3,000	7.1%	24,42	-6%	-14.0%	17-12
CMWG1901	BSC	3	4:01	88.3	96.3	2,000	115.9	6,850	5.4%	122,08	243%	20.4%	09-09
CMWG1902	VND	6	0.167	90	101.96	2,990	115.9	8,850	18.8%	40,31	196%	13.7%	11-12
CMWG1903	SSI	6	1:01	90	104	14,000	115.9	5,420	3.2%	302,04	-61%	11.4%	30-12
CMWG1904	HSC	6	5:01	95	108.5	2,700	115.9	30,140	8.4%	31,99	1016%	6.8%	26-12
CPNJ1901	MBS	3	5:01	78.8	87.3	1,700	84.2	2,370	-0.4%	14,48	39%	-3.6%	10-09
CVNM1901	KIS	6	10:01	158.888	170.888	1,200	121	790	-2.5%	474,14	-34%	-29.2%	14-12

Giao dịch khối ngoại CP Ngân Hàng trong ngày

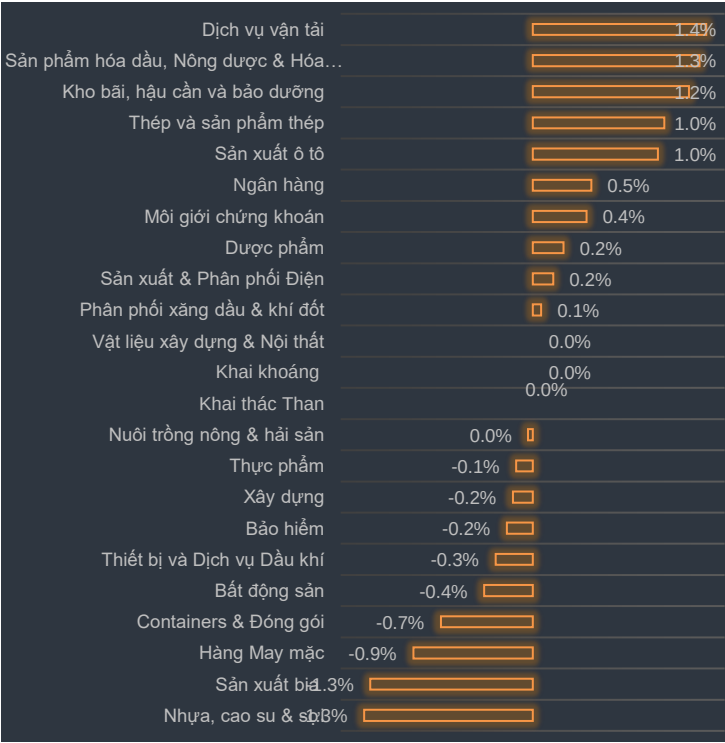
Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL Mua	KL Bán	Room NN (còn lại)	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VCB	HOSE	78.5	56,844	16.8	3.8	375,160	300,730	225,161,564	291,147	23.92	4,659	20,852
CTG	HOSE	20.5	44,468	13.9	1.1	31,600	266,050	42,665	76,330	30.00	1,472	18,665
BID	HOSE	34.7	34,420	16.5	2.1	193,790	289,870	914,997,431	118,629	3.23	2,107	16,845
MBB	HOSE	21.5	36,123	6.6	1.3	-	-	-	45,438	20.00	3,277	16,444
TCB	HOSE	20.2	18,804	8.0	1.3	53,400	53,400	-	70,631	22.51	2,518	16,120
VPB	HOSE	19	37,720	6.6	1.3	95,000	95,000	-	46,678	22.72	2,895	15,102
STB	HOSE	10.4	25,399	9.0	0.8	4,000	1,364,480	193,086,109	18,758	13.39	1,153	13,526
EIB	HOSE	17.7	31,086	49.2	1.4	-	47,400	297,590	21,761	29.98	360	12,566
HDB	HOSE	26.3	102,066	8.8	1.6	1,652,280	487,690	54,757,055	25,800	24.26	2,989	16,844
TPB	HOSE	22.6	7,007	8.5	1.7	-	-	4	19,223	30.00	2,662	13,171
SHB	HNX	6.4	14,282	3.8	0.4	200,000	-	242,246,897	7,700	16.13	1,669	14,399
ACB	HNX	21.9	32,636	5.1	1.2	-	640,958	-	27,313	30.00	4,325	18,496
NVB	HNX	7.6	908	72.4	0.7	-	-	122,959,271	3,665	0.03	105	10,435
LPB	UPCOM	7.8	2,592	5.3	0.6	1,000	-	5,419,194	6,928	4.39	1,476	13,373
BAB	UPCOM	20.5	107	16.6	1.5	-	-	165,000,000	11,275	-	1,237	13,483
VIB	UPCOM	20	29,288	5.7	1.3	-	-	-	15,186	20.50	3,483	14,833
KLB	UPCOM	10	6	13.6	0.8	-	-	97,108,738	3,199	-	734	11,875
			473,756	15.67	1.34	2,606,230	3,545,578	2,021,076,518	809,661		2,184	15,119



Biến động VN30 trong ngày: EPS trung bình: 3,948 PE: 15.8

VN30	Giá	%	TB KLGD 5 phiên gần nhất	NN Mua	NN Bán	EPS	PE	P/Bv	Giá thấp nhất 6T	Giá cao nhất 6T	RSI
HDB	26.3	5.2	302,124	1,652,280	487,690	2,989	8.8	1.6	25	31.9	54.3
SSI	22	3.77	82,234	105,560	414,190	1,995	11.0	1.2	21.2	29.5	31.1
MWG	115.9	2.57	6,198,036	85,350	80,670	8,882	13.0	5.1	80	115.9	76.4
DPM	14.1	2.18	2,324,642	1,000	306,920	982	14.4	0.7	13.6	21.7	34.7
NVL	60	1.87	246,426	226,100	201,060	3,621	16.6	2.8	55.5	62.5	54.5
MSN	76.1	1.74	232,508	209,800	194,740	3,325	22.9	2.9	74.8	91.3	35.8
VPB	19	1.6	1,983,546	95,000	95,000	3,015	6.3	1.3	17.9	22.5	51.1
FPT	51.1	1.59	442,462	-	80	4,727	10.8	2.6	39.4	51.1	76.4
DHG	97	1.46	438,970	430	2,680	4,989	19.4	4.2	94.1	119.4	37.9
REE	34.4	1.18	242,174	-	100	5,260	6.5	1.2	31	34.7	62.2
EIB	17.7	0.57	1,049,306	-	47,400	362	48.9	1.4	16.8	18.8	45.1
VJC	131.7	0.46	#N/A	59,310	389,410	9,812	13.4	4.6	109.5	133.4	57.2
GAS	101.3	0.3	1,896,983	1,040	55,360	6,511	15.6	4.4	94.1	114	39.2
CTG	20.5	0.24	2,334,242	31,600	266,050	1,472	13.9	1.1	19.5	23.4	43.1
VNM	121	0.08	3,783,736	364,020	337,590	6,295	19.2	7.4	120.2	149.8	37.4
VRE	35.5	0	32,900	583,530	181,620	1,155	30.7	2.8	30.7	37.5	47
TCB	20.2	0	413,246	53,400	53,400	2,595	7.8	1.3	20.1	27.8	36.9
VCB	78.5	0	539,260	375,160	300,730	4,738	16.6	4.0	59	81	57.6
ROS	27.1	-0.37	615,428	25,090	440	359	75.5	2.6	27.1	35.7	38
VHM	84	-0.59	174,284	488,130	438,830	5,095	16.5	6.1	77.5	96.7	47.7
MBB	21.5	-0.69	459,828	-	-	3,261	6.6	1.3	20.2	22.7	45.5
PNJ	84.2	-0.71	2,225,922	-	-	6,235	13.5	4.6	70.8	86.6	68.3
HPG	23.1	-0.86	2,991,227	330,870	260,820	3,714	6.2	1.5	20.6	27.2	56.9
STB	10.4	-0.96	1,906,576	4,000	1,364,480	1,205	8.6	0.7	10.4	13.1	26.6
GMD	27.7	-1.07	656,726	76,500	76,500	1,997	13.9	1.4	25.5	28.4	63.1
SBT	16	-1.23	240,870	-	4,000	850	18.8	1.4	16	20.1	29.4
VIC	120.2	-1.48	2,034,208	198,160	130,990	1,463	82.2	5.7	109	124.4	52.1
SAB	275.7	-1.54	2,064,724	1,280	660	7,012	39.3	10.9	231	289	44.7
CTD	105.3	-1.59	793,318	240	10,530	14,286	7.4	1.0	96.8	146	38
CII	21.1	-3	34,826	4,640	111,880	225	93.9	1.1	21	25.5	38.1
				4,972,490	5,813,820	3,948	15.80				

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản: DXG, HAR, PVL

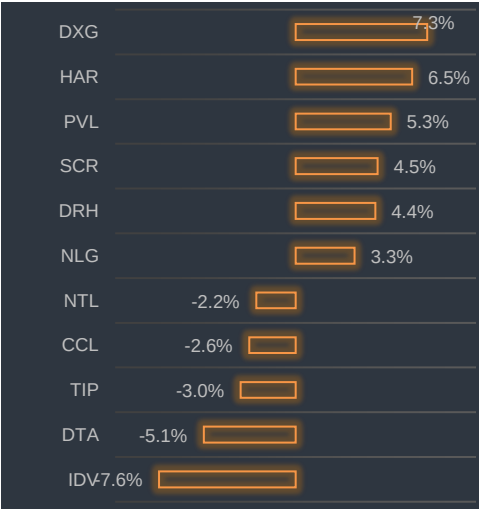
Xây dựng: SDT, HUT, SD4

Dầu khí: TDG, PVC, PMG

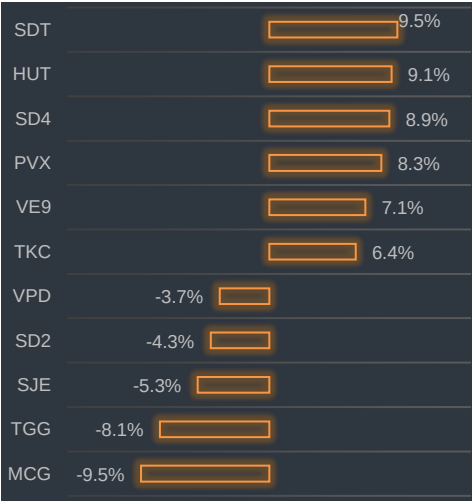
Chứng khoán: SSI, TVS, SHS

Ngân hàng: HDB, VPB, EIB

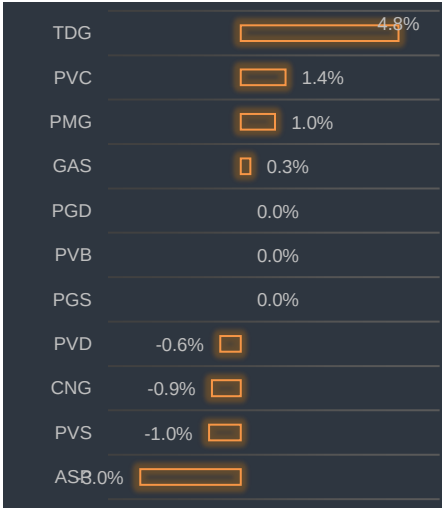
Bất động sản



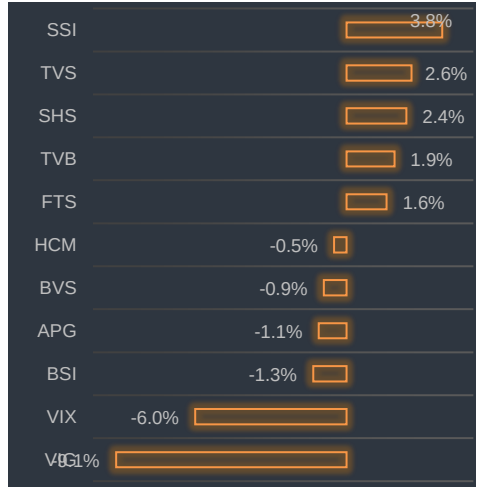
Xây dựng



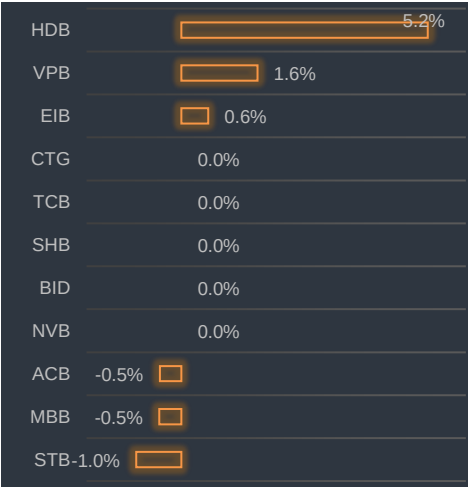
Dầu khí



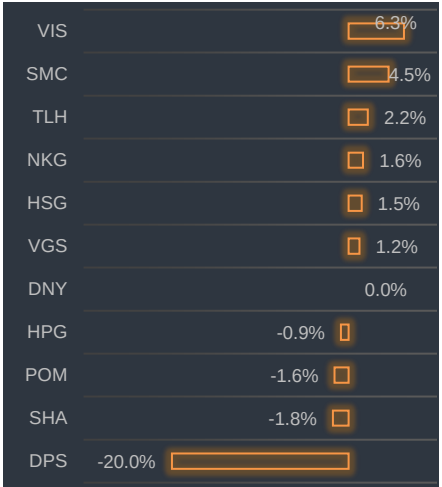
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
Tel: 0983.999.350
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931